



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu -
Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thông tin về Tổng Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0300583659

ngày 29 tháng 2 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300583659 ngày 22 tháng 12 năm 2023. GCNĐKDN và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Pramoad Phornprapha	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Vỹ	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên
Bà Trần Kim Nga	Thành viên
Ông Lê Thanh Tuấn	Thành viên
Bà Ngô Minh Châu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Tan Teck Chuan Lester	Tổng Giám đốc
Ông Koo Liang Kwee	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ng Kuan Ngee Melvyn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lee Chio Lim Larry	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lim Pei Chi Patsy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lâm Du An	Phó Tổng Giám đốc
	Giám đốc Nhà máy
	Bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh

Ủy ban Kiểm toán

Ông Pramoad Phornprapha	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Vỹ	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên

Người đại diện theo Pháp luật

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Tan Teck Chuan Lester	Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 187, Đường Nguyễn Chí Thanh
Phường Chợ Lớn
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 72 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc *et.*



Tan Teck Chuan Lester
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2025



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Tầng 10, Tòa nhà Sun Wah
115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 72.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 8 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Vào ngày 3 tháng 1 năm 2025, Tập đoàn đã mua thêm quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bình Tây ("Sabibeco"), qua đó chuyển Sabibeco từ một công ty liên kết thành một công ty con. Do báo cáo thẩm định giá độc lập về giá trị hợp lý của các tài sản được mua và nợ phải trả gánh chịu có thể xác định được chưa được hoàn tất tại ngày báo cáo này, các tài sản được mua và nợ phải trả gánh chịu có thể xác định được của Sabibeco được ước tính tạm thời trên cơ sở giá trị ghi sổ trước khi mua và theo đó, Tập đoàn đã ghi nhận lợi thế thương mại tạm thời với giá trị là 332.892 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2025. Kết luận soát xét của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 25-01-00466-25-2



Triều Tích Quyền
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4629-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2025

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		25.102.973.272.497	25.066.732.804.106
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	10	6.502.903.596.185	4.477.501.667.326
Tiền	111		1.890.718.376.392	1.337.761.330.143
Các khoản tương đương tiền	112		4.612.185.219.793	3.139.740.337.183
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.682.490.071.428	16.566.239.177.101
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	123	11(a)	15.682.490.071.428	16.566.239.177.101
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.066.459.100.621	1.818.472.380.110
Phải thu của khách hàng	131	12	671.941.161.116	433.141.431.799
Trả trước cho người bán	132		54.695.541.752	48.390.695.221
Phải thu ngắn hạn khác	136	13(a)	896.463.491.895	1.646.477.947.637
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	14(a)	(556.641.094.142)	(309.537.694.547)
Hàng tồn kho	140	15(a)	1.664.304.566.153	1.978.543.927.286
Hàng tồn kho	141		1.727.426.070.580	2.042.852.750.470
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(63.121.504.427)	(64.308.823.184)
Tài sản ngắn hạn khác	150		186.815.938.110	225.975.652.283
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	21(a)	136.057.982.480	145.660.411.600
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		45.205.844.154	72.112.190.350
Thuế phải thu Nhà nước	153	25(b)	5.552.111.476	8.203.050.333

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 +260)	200		8.093.805.844.847	8.372.673.560.545
Các khoản phải thu dài hạn	210		34.229.690.051	33.965.243.693
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		5.948.610.516	5.948.610.516
Phải thu dài hạn khác	216	13(b)	34.680.790.051	34.416.343.693
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	14(b)	(6.399.710.516)	(6.399.710.516)
Tài sản cố định	220		4.421.102.059.846	3.593.253.846.771
Tài sản cố định hữu hình	221	16	3.243.114.809.502	2.484.109.823.637
Nguyên giá	222		15.464.925.762.640	11.567.831.953.084
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.221.810.953.138)	(9.083.722.129.447)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	17	149.192.583.254	151.786.364.599
Nguyên giá	225		173.582.726.065	173.582.726.065
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(24.390.142.811)	(21.796.361.466)
Tài sản cố định vô hình	227	18	1.028.794.667.090	957.357.658.535
Nguyên giá	228		1.295.065.759.374	1.173.833.999.845
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(266.271.092.284)	(216.476.341.310)
Bất động sản đầu tư	230	19	246.030.762.733	268.304.664.076
Nguyên giá	231		283.902.691.421	311.715.130.165
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(37.871.928.688)	(43.410.466.089)
Tài sản dở dang dài hạn	240		140.654.874.876	122.014.021.082
Xây dựng cơ bản dở dang	242	20	140.654.874.876	122.014.021.082
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.265.736.649.423	3.672.561.077.153
Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	252	11(c)	2.072.460.882.750	2.304.838.560.802
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	11(c)	362.429.271.916	410.929.271.916
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	11(c)	(378.753.505.243)	(378.706.755.565)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	255	11(b)	209.600.000.000	1.335.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		986.051.807.918	682.574.707.770
Chi phí trả trước dài hạn	261	21(b)	460.455.006.656	455.034.726.932
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	22	141.111.491.410	198.506.939.397
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	15(b)	51.593.343.293	29.033.041.441
Lợi thế thương mại	269	23	332.891.966.559	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		33.196.779.117.344	33.439.406.364.651

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		10.322.437.517.835	9.002.313.181.979
Nợ ngắn hạn	310		9.852.424.610.880	8.657.140.531.800
Phải trả người bán	311	24	1.712.647.317.187	2.642.248.117.160
Người mua trả tiền trước	312		69.000.173.338	94.511.172.026
Thuế phải nộp Nhà nước	313	25(a)	2.109.442.169.934	1.320.861.485.986
Phải trả người lao động	314		79.142.893.746	128.685.159.625
Chi phí phải trả	315	26	676.427.564.499	515.857.469.477
Doanh thu chưa thực hiện	318		385.818.187	228.181.821
Phải trả ngắn hạn khác	319	27(a)	4.864.216.167.840	3.509.694.004.122
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	28(a)	182.609.401.416	245.383.983.749
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		251.473.420	251.473.420
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	29	158.301.631.313	199.419.484.414
Nợ dài hạn	330		470.012.906.955	345.172.650.179
Phải trả người bán dài hạn	331		100.000.000	100.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	27(b)	59.520.151.658	57.113.360.289
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	28(b)	168.646.045.663	169.444.430.406
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	22	170.904.950.621	49.208.021.314
Dự phòng phải trả dài hạn	342	30	70.841.759.013	69.306.838.170

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		22.874.341.599.509	24.437.093.182.672
Vốn chủ sở hữu	410	31	22.874.341.599.509	24.437.093.182.672
Vốn cổ phần	411	32	12.825.623.720.000	12.825.623.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.825.623.720.000	12.825.623.720.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.408.784.538	3.208.666.226
Chênh lệch tỷ giá quy đổi tiền tệ	417		82.930.575.812	53.776.366.426
Quỹ đầu tư phát triển	418	33	1.186.744.293.943	1.181.709.861.073
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.275.878.980.244	9.217.801.321.446
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.357.303.413.405	5.021.305.707.207
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ/năm	421b		1.918.575.566.839	4.196.495.614.239
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.499.755.244.972	1.154.973.247.501
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		33.196.779.117.344	33.439.406.364.651

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Hoàng Thanh Vân
Kế toán

Người duyệt:



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng



Koo Liang Kwee
Phó Tổng Giám đốc




Pan Teck Chuan Lester
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 ngày 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	36	12.766.833.361.855	15.378.239.197.765
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	36	151.770.406.028	108.441.679.230
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	36	12.615.062.955.827	15.269.797.518.535
Giá vốn hàng bán	11	37	8.294.933.362.946	10.729.136.565.040
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		4.320.129.592.881	4.540.660.953.495
Doanh thu hoạt động tài chính	21	38	498.328.569.818	545.000.376.418
Chi phí tài chính	22	39	106.228.706.885	16.811.015.981
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		19.666.841.568	16.398.465.918
Phần lãi trong công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	24	11(c)	86.598.753.124	16.510.354.421
Chi phí bán hàng	25	40	1.715.260.500.409	1.744.261.137.515
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	41	486.575.011.568	385.039.029.258
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		2.596.992.696.961	2.956.060.501.580
Thu nhập khác	31		6.178.049.290	7.906.108.005
Chi phí khác	32		19.460.699.287	26.802.844.403
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(13.282.649.997)	(18.896.736.398)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.583.710.046.964	2.937.163.765.182
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	43	432.906.143.592	535.640.927.227
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	43	100.492.377.294	58.879.696.989
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		2.050.311.526.078	2.342.643.140.966

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 ngày 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)	60		2.050.311.526.078	2.342.643.140.966
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		2.000.610.053.979	2.245.557.345.395
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		49.701.472.099	97.085.795.571
Lãi trên cổ phiếu				(Điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	44	1.508	1.703

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Hoàng Thanh Vân
Kế toán

Người duyệt:

  

Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Koo Liang Kwée
Phó Tổng Giám đốc

Tan Teck Chuan Lester
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LUU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		2.583.710.046.964	2.937.163.765.182
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		353.312.508.933	274.479.255.512
Các khoản dự phòng	03		6.322.290.213	1.429.907.053
Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(30.399.185)	524.280.552
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05		(408.693.884.417)	(535.640.943.469)
Phần lãi trong công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	05		(86.598.753.124)	(16.510.354.421)
Chi phí lãi vay	06		19.666.841.568	16.398.465.918
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		2.467.688.650.952	2.677.844.376.327
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		232.622.013.155	74.217.088.669
Biến động hàng tồn kho	10		598.145.634.014	(32.238.084.600)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(590.511.804.825)	91.973.899.887
Biến động chi phí trả trước	12		66.866.888.719	27.140.878.675
			2.774.811.382.015	2.838.938.158.958
Tiền lãi vay đã trả	14		(21.682.471.571)	(16.509.610.770)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(426.065.420.011)	(586.014.805.046)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(134.708.333.385)	(118.508.390.020)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.192.355.157.048	2.117.905.353.122

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(112.459.304.457)	(187.734.602.552)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.057.889.730	820.499.000
Tiền chi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(3.468.669.034.801)	(7.347.521.386.495)
Tiền thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	5.610.718.476.385	7.799.210.187.665
Tiền chi mua lại lợi ích cổ đông không kiểm soát trong công ty con	25	(14.880.324.020)	-
Mua một công ty con, tiền thuần thu được	25	146.777.742.691	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và phân phối lợi nhuận	27	644.584.440.804	691.093.393.306
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.807.129.886.332	955.868.090.924

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33	1.415.684.230.804	1.997.787.913.207
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.775.676.641.218)	(2.071.887.913.207)
Tiền chi trả cổ tức	36	(2.614.100.623.773)	(2.005.163.966.553)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.974.093.034.187)	(2.079.263.966.553)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	2.025.392.009.193	994.509.477.493
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	4.477.501.667.326	5.039.908.030.600
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	9.919.666	(312.085.701)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70 10	6.502.903.596.185	6.034.105.422.392

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Hoàng Thanh Vân

Hoàng Thanh Vân
Kế toán

Người duyệt:

Trần Nguyên Trung

Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Koo Liang Kwee

Koo Liang Kwee
Phó Tổng Giám đốc



Fan Teck Chuan Lester
Fan Teck Chuan Lester
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) được thành lập dưới hình thức Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ban hành ngày 6 tháng 5 năm 2003 trên cơ sở tổ chức lại Công ty Bia Sài Gòn và chuyển các đơn vị bao gồm Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước Giải Khát Chương Dương và Công ty Thủy tinh Phú Thọ thành các đơn vị thành viên của Tổng Công ty. Vào ngày 11 tháng 5 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Tổng Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Tổng Công ty được cấp phép theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4106000286 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 9 năm 2006.

Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4103010027 vào ngày 17 tháng 4 năm 2008. Tại ngày này, Tổng Công ty dưới hình thức là công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Nhà nước.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “SAB” theo Quyết định Niêm yết số 470/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 11 năm 2016.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

(b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm vật liệu và bao bì; cung cấp dịch vụ kho bãi, hậu cần và vận tải; sản xuất sản phẩm cơ khí, xây dựng kết cấu thép, và cung cấp dịch vụ cơ khí lắp đặt; và xây dựng và cung cấp dịch vụ bất động sản.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn có 30 công ty con và 18 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (1/1/2025: có 26 công ty con và 17 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát), chi tiết như sau:

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	30/6/2025		1/1/2025	
			% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
I	Công ty con					
1	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	Sản xuất và kinh doanh bia	86,32%	86,32%	84,46%	84,46%
2	Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	Sản xuất, kinh doanh nước giải khát, đồ hộp và phụ liệu	62,06%	62,06%	62,06%	62,06%
3	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	Sản xuất và kinh doanh bia	68,25%	69,15%	66,56%	66,56%
4	Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Sản xuất và kinh doanh rượu	93,32%	93,47%	93,32%	93,47%
5	Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát có ga	55,90%	56,24%	55,90%	56,24%
6	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	54,73%	54,73%	54,73%	54,73%
7	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát;	68,78%	68,78%	68,78%	68,78%
8	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	xuất nhập khẩu các nguyên vật liệu liên quan Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát;	55,36%	57,11%	52,11%	52,11%
9	Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	xuất nhập khẩu các nguyên vật liệu liên quan Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	100%	100%	100%	100%
10	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa và cho thuê kho bãi	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
11	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa và cho thuê kho bãi	95,07%	95,07%	95,07%	95,07%
12	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung tâm	Bán buôn bia, đồ uống có cồn; bán buôn đồ uống không có cồn; bán buôn hóa chất khác, cồn; mua bán bao bì; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô	94,47%	94,47%	94,47%	94,47%
13	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; kinh doanh kho bãi và dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô	91,24%	91,24%	91,24%	91,24%
14	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ kho bãi và dịch vụ vận chuyển	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
15	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ kho bãi và dịch vụ vận chuyển	90,14%	90,14%	90,14%	90,14%

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	30/6/2025		1/1/2025	
			% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
16	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy	90,68%	90,68%	90,68%	90,68%
17	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi và dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
18	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ và đường thủy	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
19	Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	Chế tạo máy móc dùng cho sản xuất thực phẩm; lắp đặt và bảo trì hệ thống máy móc thiết bị	100%	100%	100%	100%
20	Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng (*)	Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ lên men, nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai	86,32%	100%	84,46%	100%
21	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; cung cấp dịch vụ kho bãi và dịch vụ vận chuyển hàng hóa	90,45%	90,45%	90,45%	90,45%
22	Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ lên men, nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai	100%	100%	100%	100%
23	Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	Sản xuất và kinh doanh nắp khoén thiếc và bao bì kim loại, bao bì phục vụ ngành đồ uống thực phẩm	76,81%	76,81%	76,81%	76,81%
24	Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn	Bán buôn bia, rượu và nước giải khát	100%	100%	100%	100%
25	Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn	Bán buôn bia, rượu và nước giải khát	100%	100%	100%	100%
26	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	52,91%	52,91%	52,91%	52,91%
27	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	Sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm, đồ uống, bia, rượu	65,00%	65,38%	21,80%	22,18%
28	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây (*)	Kinh doanh đồ uống và dịch vụ nhà hàng	65,00%	100%	-	-
29	Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận (*)	Sản xuất và kinh doanh bia	65,00%	100%	-	-
30	Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Phú Lý (*)	Sản xuất và kinh doanh bia	65,00%	100%	-	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	30/6/2025		1/1/2025	
			% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
II Công ty liên kết						
1	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư - Thiết kế và Chuyển giao Công nghệ Thành Nam (*)	Tư vấn xây dựng và thiết kế	28,57%	28,57%	28,57%	28,57%
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn (*)	Sản xuất chai lọ kim loại, lon và in ấn bao bì	20,89%	27,42%	-	-
3	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	30,84%	33,85%	30,84%	33,85%
4	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (*)	Sản xuất, lắp đặt các sản phẩm máy móc cầu đường và xây dựng công nghiệp	26,00%	26,00%	26,00%	26,00%
5	Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô (*)	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát, sữa đậu nành và nước ép trái cây	30,96%	34,92%	30,79%	34,92%
6	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, cồn, nước giải khát và phụ tùng thay thế	32,40%	32,41%	32,40%	32,41%
7	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	Xây dựng và kinh doanh bất động sản	29,00%	29,00%	29,00%	29,00%
8	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu (*)	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	17,26%	20,00%	16,89%	20,00%
9	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
10	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, cồn, nước giải khát và phụ tùng thay thế	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
11	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, cồn, nước giải khát và phụ tùng thay thế	26,00%	26,00%	26,00%	26,00%
12	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
13	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Long Khánh (*)	Sản xuất và kinh doanh bia	13,13%	20,20%	-	-
14	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	Sản xuất, gia công và kinh doanh thực phẩm, nước giải khát, bia và nước uống có cồn	-	-	21,80%	22,18%
III Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát						
15	Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh (**)	Cho thuê và quản lý cao ốc văn phòng	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%
16	Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn (***)	Sản xuất lon nhôm	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%
17	Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	Sản xuất các sản phẩm thủy tinh	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%
18	Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì đóng gói bằng kim loại	35,00%	35,00%	35,00%	35,00%
19	Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh rượu và các sản phẩm nước uống có cồn	45,00%	45,00%	45,00%	45,00%

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tỷ lệ quyền sở hữu thể hiện cả tỷ lệ quyền sở hữu trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn trong các công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tất cả các công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được thành lập tại Việt Nam.

- (*) Công ty con và các công ty liên kết sở hữu gián tiếp.
- (**) Quyền sở hữu của Tập đoàn trong liên doanh với Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh được quy định tại Hợp đồng Liên doanh ngày 24 tháng 11 năm 1994 giữa Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương (“Chương Dương”), một công ty con của Tổng Công ty, và bên đối tác là Centrepont Properties Ltd., một công ty được thành lập tại Singapore. Tại thời điểm cổ phần hóa Chương Dương vào năm 2014, quyền sở hữu của Hợp đồng Liên doanh này được chuyển giao từ Chương Dương sang Tổng Công ty theo phê duyệt của Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Theo quy định tại Hợp đồng Liên doanh, lợi nhuận được phân chia cho các bên theo lịch biểu quy định trong hợp đồng này. Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, tỷ lệ lợi ích chia cho Tổng Công ty và bên đối tác lần lượt là 40% và 60% (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024: 40% và 60%).
- (***) Quyền sở hữu của Tập đoàn trong liên doanh với Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn được quy định tại Hợp đồng Liên doanh ngày 19 tháng 4 năm 1993 giữa Tổng Công ty và bên đối tác là Crown Asia Pacific Holdings Pte. Ltd., một công ty được thành lập tại Singapore. Theo quy định tại Hợp đồng Liên doanh, lợi nhuận được phân chia cho các bên theo lịch biểu quy định trong hợp đồng này. Vào ngày 19 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn và bên đối tác thống nhất phụ lục Hợp đồng Liên doanh, trong đó lợi nhuận phân phối từ năm 2024 đến năm 2027 sẽ được xác định bởi Nghị quyết của Hội đồng Thành viên của Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn có 8.235 nhân viên (1/1/2025: 7.829 nhân viên).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động.

Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(v) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ phát sinh giao dịch mua sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

Trường hợp kế toán ban đầu cho giao dịch hợp nhất kinh doanh chưa hoàn tất vào cuối kỳ báo cáo mà việc hợp nhất kinh doanh được thực hiện, Tập đoàn sẽ ghi nhận theo giá trị tạm thời đối với các khoản mục mà việc kế toán chưa hoàn tất. Các giá trị tạm thời đó sẽ được điều chỉnh trong kỳ đo lường, hoặc ghi nhận thêm các tài sản và nợ phải trả, nhằm phản ánh các thông tin mới thu thập được về các sự kiện và tình huống đã tồn tại tại ngày mua, mà nếu được biết tại thời điểm đó thì đã ảnh hưởng đến các khoản mục được ghi nhận.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Quy đổi báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát từ đơn vị tiền tệ kế toán sang đơn vị tiền tệ báo cáo

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát có đơn vị tiền tệ kế toán khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do quy đổi báo cáo tài chính bằng đơn vị tiền tệ khác VND của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá quy đổi tiền tệ” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 45 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 30 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 15 năm
▪ tài sản khác	2 – 20 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất là từ 13 đến 50 năm.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 7 năm.

(iii) Giấy phép môi trường

Giấy phép môi trường được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của giấy phép môi trường bao gồm các chi phí cần thiết liên quan trực tiếp để có được giấy phép. Giấy phép môi trường được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn hiệu lực của giấy phép từ 7 đến 10 năm.

(i) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 16 – 47 năm
- nhà cửa, vật kiến trúc 5 – 45 năm

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 32 đến 49 năm.

(ii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khi khoản chênh lệch là số âm (chênh lệch mua rẻ), khoản này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(m) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(o) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(r) Thuê

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được trình bày trong Thuyết minh 3(g).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông (sau khi đã trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của hoạt động

Hoạt động chính của Tập đoàn là:

- Bán bia;
- Bán nguyên vật liệu; và
- Các hoạt động kinh doanh khác bao gồm bán rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan; và cung cấp dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các lĩnh vực hoạt động này không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

5. Các thay đổi ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Tập đoàn kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

7. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Bộ phận kinh doanh của Tập đoàn được chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bán bia;
- Bán nguyên vật liệu; và
- Các hoạt động kinh doanh khác bao gồm bán rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan; và cung cấp dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác.

Trong kỳ, các hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày báo cáo chủ yếu phục vụ cho hoạt động sản xuất và kinh doanh bia. Theo đó, thông tin tài chính được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh bia của Tập đoàn. Thuyết minh 36 và Thuyết minh 37 trình bày chi tiết doanh thu và giá vốn của từng loại sản phẩm, vì vậy đã cung cấp đầy đủ thông tin về kết quả hoạt động của mỗi bộ phận kinh doanh như được phân loại ở trên.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Tập đoàn và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn trong lãnh thổ Việt Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Hợp nhất kinh doanh

Vào ngày 3 tháng 1 năm 2025, Tập đoàn đã mua thêm 37.814.900 cổ phần của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bình Tây (“Sabibeco”), tăng quyền sở hữu của Tập đoàn tại Sabibeco từ 21,80% lên 65,00% và qua đó chuyển Sabibeco từ một công ty liên kết thành một công ty con. Tổng giá trị khoản thanh toán cho giao dịch này là 842.957 triệu VND. Hoạt động kinh doanh chính của Sabibeco là sản xuất và kinh doanh bia.

Việc hợp nhất kinh doanh có tác động đến tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ tạm thời trước thời điểm mua VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi nhận tạm thời tại thời điểm mua VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	146.777.742.691	-	146.777.742.691
Các khoản đầu tư ngắn hạn	132.400.335.911	-	132.400.335.911
Phải thu của khách hàng, thuần	153.017.755.547	-	153.017.755.547
Hàng tồn kho	290.652.395.286	-	290.652.395.286
Tài sản ngắn hạn khác	16.304.264.799	-	16.304.264.799
Tài sản cố định hữu hình, thuần	1.029.464.099.580	-	1.029.464.099.580
Tài sản cố định vô hình, thuần	64.690.107.849	-	64.690.107.849
Tài sản dài hạn khác	280.533.390.632	-	280.533.390.632
Thuế phải nộp Nhà nước	(400.649.399.801)	-	(400.649.399.801)
Vay ngắn hạn	(297.157.402.011)	-	(297.157.402.011)
Nợ ngắn hạn khác	(152.521.256.967)	-	(152.521.256.967)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(78.600.000.000)	-	(78.600.000.000)
Giá trị tạm thời thuần của các tài sản được mua và nợ phải trả gánh chịu có thể xác định được	1.184.912.033.516	-	1.184.912.033.516
Giá trị tạm thời của các tài sản được mua và nợ phải trả gánh chịu có thể xác định được chia sẻ cho Tập đoàn			770.193.649.935
Giá trị hợp lý của phần vốn chủ sở hữu đã nắm giữ trước ngày mua			(260.128.840.000)
• <i>Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào một công ty liên kết (Thuyết minh 11(c)(i))</i>			<i>(345.174.627.629)</i>
• <i>Lỗi từ việc đánh giá lại theo giá trị hợp lý (Thuyết minh 39)</i>			<i>85.045.787.629</i>
Lợi thế thương mại tạm thời (Thuyết minh 23)			332.891.966.559
Khoản thanh toán cho việc mua lại (*)			(842.956.776.494)
Khoản tiền thuần thu được			146.777.742.691
Khoản tiền thanh toán thuần			(696.179.033.803)

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Khoản thanh toán này bao gồm khoản tiền tạm ứng thanh toán được gửi tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap với giá trị 832.427 triệu VND tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 (Thuyết minh 13(a)) cộng các chi phí giao dịch.

Một đơn vị thẩm định giá độc lập đã được bổ nhiệm để xác định giá trị hợp lý của các tài sản được mua và nợ phải trả gánh chịu có thể xác định được, tuy nhiên báo cáo của đơn vị thẩm định giá vẫn chưa hoàn tất tại ngày phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này. Do đó, giá trị hợp lý của các tài sản được mua và nợ phải trả gánh chịu có thể xác định được, đã được xác định một cách tạm thời tại ngày mua. Dựa trên các giá trị tạm thời này, lợi thế thương mại với giá trị 332.892 triệu VND đã được ghi nhận. Khoản đầu tư trước đây vào Sabibeco đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý, dẫn đến một khoản lỗ với giá trị 85.046 triệu VND đã được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tập đoàn đã áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 - Hợp nhất Kinh doanh (“VAS 11”) để hạch toán việc hợp nhất kinh doanh này. Theo VAS 11, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải đánh giá sơ bộ giá trị hợp lý của đơn vị được mua lại tại ngày mua. Trong kỳ đo lường không quá một năm kể từ ngày mua, Tập đoàn sẽ điều chỉnh hồi tố các giá trị tạm thời đã được ghi nhận tại ngày mua để phản ánh các thông tin mới thu thập được về các sự kiện và tình huống đã tồn tại tại ngày mua.

9. Giao dịch với cổ đông không kiểm soát

Vào ngày 23 tháng 4 năm 2025, Tổng Công ty đã mua thêm 270.500 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Miền Tây”), một công ty con của Tổng Công ty, từ các cổ đông hiện hữu khác. Sau giao dịch này, tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty trong Miền Tây đã tăng từ 84,46% lên 86,32%.

Giao dịch với cổ đông không kiểm soát có ảnh hưởng như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Giá trị ghi sổ tương ứng của tài sản thuần được mua	13.948.171.958	-
Khoản thanh toán cho việc mua lại	(14.880.324.020)	-
Chênh lệch ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(932.152.062)	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

	30/6/2025			1/1/2025		
	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu/ Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu/ Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (i)	2.072.460.882.750	(70.829.555.721)	2.001.631.327.029	2.304.838.560.802	(70.829.555.721)	2.234.009.005.081
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (ii)	362.429.271.916	(307.923.949.522)	54.505.322.394	410.929.271.916	(307.877.199.844)	103.052.072.072
	<u>2.434.890.154.666</u>	<u>(378.753.505.243)</u>	<u>2.056.136.649.423</u>	<u>2.715.767.832.718</u>	<u>(378.706.755.565)</u>	<u>2.337.061.077.153</u>

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Tên công ty	30/6/2025			1/1/2025		
	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào các công ty liên kết						
▪ Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư - Thiết kế và Chuyển giao Công nghệ Thành Nam	329.653.546	(*)	-	329.653.546	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	225.298.755.750	(*)	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	59.532.660.487	41.076.672.000	-	64.591.723.954	41.975.224.200	-
▪ Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp	11.456.466.468	(*)	-	6.863.792.917	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	95.066.305.824	(*)	-	95.654.536.078	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	212.057.173.428	394.648.730.400	-	193.847.703.264	415.928.809.000	-
▪ Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	70.829.555.721	(*)	(70.829.555.721)	70.829.555.721	(*)	(70.829.555.721)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	36.694.082.746	15.359.344.000	-	36.621.395.335	15.834.218.400	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	44.041.583.160	(*)	-	46.078.173.106	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	-	(*)	-	-	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	49.023.283.868	(*)	-	48.383.739.373	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	25.774.032.533	(*)	-	27.296.370.024	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Long Khánh	41.026.442.378	(*)	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	-	-	-	345.174.627.629	345.149.557.133	-
Đầu tư vào các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát						
▪ Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh	143.295.015.767	(*)	-	116.330.114.039	(*)	-
▪ Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	621.823.907.051	(*)	-	827.689.104.234	(*)	-
▪ Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	354.877.421.201	(*)	-	344.609.214.183	(*)	-
▪ Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	67.201.805.022	(*)	-	64.476.696.449	(*)	-
▪ Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam	14.132.737.800	(*)	-	16.062.160.950	(*)	-
	2.072.460.882.750	(70.829.555.721)		2.304.838.560.802	(70.829.555.721)	

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	2.304.838.560.802	2.230.183.930.616
Phân loại lại sang khoản đầu tư vào công ty con liên quan đến việc mua lại Sabibeco (Thuyết minh 8)	(345.174.627.629)	-
Ghi nhận các công ty liên kết mới liên quan đến việc mua lại Sabibeco	236.501.920.127	-
Lợi nhuận được chia trong kỳ	86.598.753.124	16.510.354.421
Thu nhập từ cổ tức trong kỳ	(239.457.933.060)	(475.872.398.924)
Chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ (Thuyết minh 31)	29.154.209.386	29.284.273.991
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.072.460.882.750	1.800.106.160.104

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Tên công ty	30/6/2025			1/1/2025		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	-	-	-	50.000.000.000	(*)	(3.152.549.322)
▪ Công ty Cổ phần PVI	51.475.140.000	27.917.055.000	(23.558.085.000)	51.475.140.000	29.616.354.000	(21.858.786.000)
▪ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	30.700.950.000	7.898.310.000	(30.700.950.000)	30.700.950.000	7.538.160.000	(30.700.950.000)
▪ Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)
▪ Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	26.588.267.394	(*)	-	26.588.267.394	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang	1.161.147.000	(*)	(1.161.147.000)	1.161.147.000	(*)	(1.161.147.000)
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)
▪ Công ty TNHH Đầu tư Sabeco HP	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Đồng Nai	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Đồng Hà	5.600.000.000	(*)	(5.600.000.000)	5.600.000.000	(*)	(5.600.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Kinh doanh Thực phẩm Trường Sa	1.500.000.000	(*)	(1.500.000.000)	-	-	-
	362.429.271.916		(307.923.949.522)	410.929.271.916		(307.877.199.844)



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động đầu tư vốn chủ sở hữu vào các đơn vị khác trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	410.929.271.916	434.314.271.916
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	1.500.000.000	-
Phân loại lại khoản đầu tư vào công ty liên kết liên quan đến việc mua lại Sabibeco	(50.000.000.000)	-
Số dư cuối kỳ	362.429.271.916	434.314.271.916

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 được xác định bằng cách tham khảo giá niêm yết cổ phiếu.

- (*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(iii) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	378.706.755.565	416.325.836.029
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	1.500.000.000	-
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(1.453.250.322)	(7.171.310.083)
Số dư cuối kỳ	378.753.505.243	409.154.525.946

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	71.017.671.202	74.840.176.095
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	64.818.717.150	37.725.257.020
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	51.613.852.665	64.259.344.007
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	19.990.647.755	19.990.647.755
Các khách hàng khác	464.500.272.344	236.326.006.922
	671.941.161.116	433.141.431.799

(b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
<i>Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i>		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	71.017.671.202	74.840.176.095
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	51.613.852.665	64.259.344.007
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	19.990.647.755	19.990.647.755
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	12.284.732.230	1.057.675.781
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	2.203.851.428	1.098.199.869
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	1.968.894.057	10.021.498.680
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	890.927.701	7.935.108.324
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	253.723.905	-
Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh	3.849.317	2.745.850
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	-	26.765.632.621
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	-	1.538.904.862
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	27.028.856.697	30.531.025.834
Công ty TNHH S.A.S. CTAMAD	14.129.777	28.175.127

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Phải thu lãi từ tiền gửi	571.603.439.966	362.174.835.584
Phải thu do chênh lệch giữa giá trị của các khoản đầu tư và phần vốn góp trong công ty liên kết	277.230.733.543	277.230.733.543
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận phân phối	9.872.650.000	131.734.062.246
Tạm ứng cho việc mua cổ phiếu của Sabibeco (*)	-	832.426.956.680
Phải thu khác	37.756.668.386	42.911.359.584
	<hr/>	<hr/>
	896.463.491.895	1.646.477.947.637

(*) Khoản phải thu này phản ánh khoản tiền tạm ứng thanh toán được gửi tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, theo quy định của Luật Chứng khoán, cho việc mua cổ phiếu của Sabibeco (Thuyết minh 8).

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
<i>Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i>		
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	277.230.733.543	277.230.733.543
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	8.789.550.000	8.789.550.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	83.100.000	14.502.340.500
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	-	64.200.000.000
Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh	-	44.242.171.746
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	-	106.143.272
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	34.680.790.051	34.416.343.693
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Dự phòng phải thu khó đòi

(a) Ngắn hạn

	30/6/2025		Giá trị có thể thu hồi VND	1/1/2025		Giá trị có thể thu hồi VND
	Giá gốc VND	Dự phòng VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Phải thu của khách hàng	288.132.502.200	(266.051.972.896)	22.080.529.304	29.390.503.024	(18.948.573.301)	10.441.929.723
Trả trước cho người bán	6.160.777.105	(6.160.777.105)	-	6.160.777.105	(6.160.777.105)	-
Phải thu ngắn hạn khác	284.428.344.141	(284.428.344.141)	-	284.428.344.141	(284.428.344.141)	-
	578.721.623.446	(556.641.094.142)	22.080.529.304	319.979.624.270	(309.537.694.547)	10.441.929.723

(b) Dài hạn

	30/6/2025		Giá trị có thể thu hồi VND	1/1/2025		Giá trị có thể thu hồi VND
	Giá gốc VND	Dự phòng VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Phải thu dài hạn của khách hàng	5.948.610.516	(5.948.610.516)	-	5.948.610.516	(5.948.610.516)	-
Phải thu dài hạn khác	451.100.000	(451.100.000)	-	451.100.000	(451.100.000)	-
	6.399.710.516	(6.399.710.516)	-	6.399.710.516	(6.399.710.516)	-



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn và dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	315.937.405.063	302.204.111.102
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	247.168.959.595	-
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(65.560.000)	(175.440.231)
Số dư cuối kỳ	563.040.804.658	302.028.670.871

15. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	30/6/2025		1/1/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang				
đi trên đường	85.126.076.813	-	79.171.800.633	-
Nguyên vật liệu	531.196.402.509	(6.466.938.210)	831.430.914.145	(17.343.164.728)
Công cụ và dụng cụ	235.096.088.624	(53.411.462.053)	216.766.319.002	(42.295.803.077)
Chi phí sản xuất				
kinh doanh dở dang	251.818.173.704	-	236.337.521.882	-
Thành phẩm	617.866.286.458	(3.243.104.164)	675.223.359.351	(4.669.855.379)
Hàng hóa	6.323.042.472	-	3.922.835.457	-
	1.727.426.070.580	(63.121.504.427)	2.042.852.750.470	(64.308.823.184)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có 63.122 triệu VND (1/1/2025: 64.309 triệu VND) hàng tồn kho lỗi thời, hoặc chậm luân chuyển.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	64.308.823.184	75.579.711.555
Dự phòng trích lập trong kỳ	6.921.999.135	3.397.045.688
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(4.997.524.260)	(4.620.900.012)
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(3.162.299.680)	(3.028.639.674)
Chuyển từ/(sang) dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	50.506.048	(99.307.171)
Số dư cuối kỳ	63.121.504.427	71.227.910.386

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	30/6/2025		1/1/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	115.171.826.271	(63.578.482.978)	90.437.563.662	(61.404.522.221)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	61.404.522.221	58.989.826.260
Dự phòng trích lập trong kỳ	5.029.629.779	1.996.336.214
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(2.805.162.974)	(1.983.152.076)
Dự phòng sử dụng trong kỳ	-	(398.197.397)
Chuyển (sang)/từ dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(50.506.048)	99.307.171
Số dư cuối kỳ	63.578.482.978	58.704.120.172

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	2.236.555.617.582	8.911.158.863.466	225.076.544.655	185.068.145.740	9.972.781.641	11.567.831.953.084
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	846.859.039.091	2.942.545.487.268	58.613.131.992	3.931.730.437	2.266.799.696	3.854.216.188.484
Tăng trong kỳ	-	17.955.584.204	3.035.881.596	1.097.134.153	-	22.088.599.953
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	10.674.735.522	25.923.934.105	-	1.712.027.811	-	38.310.697.438
Phân loại lại	(270.000.000)	270.000.000	-	-	-	-
Thanh lý	(4.997.400.243)	(2.508.004.898)	(7.620.208.680)	(2.396.062.498)	-	(17.521.676.319)
Số dư cuối kỳ	3.088.821.991.952	11.895.345.864.145	279.105.349.563	189.412.975.643	12.239.581.337	15.464.925.762.640
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	1.457.334.121.441	7.242.056.816.796	208.539.971.629	166.557.797.338	9.233.422.243	9.083.722.129.447
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	481.572.291.571	2.298.034.231.968	39.104.787.974	3.773.977.695	2.266.799.696	2.824.752.088.904
Khấu hao trong kỳ	63.420.739.873	257.869.650.925	5.005.100.984	4.501.550.470	49.451.291	330.846.493.543
Phân loại lại	(13.576.924)	13.576.924	-	-	-	-
Thanh lý	(4.997.400.243)	(2.496.087.335)	(7.620.208.680)	(2.396.062.498)	-	(17.509.758.756)
Số dư cuối kỳ	1.997.316.175.718	9.795.478.189.278	245.029.651.907	172.437.263.005	11.549.673.230	12.221.810.953.138
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	779.221.496.141	1.669.102.046.670	16.536.573.026	18.510.348.402	739.359.398	2.484.109.823.637
Số dư cuối kỳ	1.091.505.816.234	2.099.867.674.867	34.075.697.656	16.975.712.638	689.908.107	3.243.114.809.502

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 5.065.588 triệu VND (1/1/2025: 4.250.470 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 137.729 triệu VND (1/1/2025: 134.567 triệu VND).

17. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	173.582.726.065
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	21.796.361.466
Khấu hao trong kỳ	2.593.781.345
Số dư cuối kỳ	24.390.142.811
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	151.786.364.599
Số dư cuối kỳ	149.192.583.254



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	1.037.993.667.580	135.736.332.265	104.000.000	1.173.833.999.845
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	87.114.712.377	1.959.375.000	-	89.074.087.377
Tăng trong kỳ	-	370.752.000	1.015.800.000	1.386.552.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.958.681.408	-	2.958.681.408
Chuyển từ bất động sản đầu tư	27.812.438.744	-	-	27.812.438.744
Số dư cuối kỳ	1.152.920.818.701	141.025.140.673	1.119.800.000	1.295.065.759.374
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	117.817.617.735	98.554.723.575	104.000.000	216.476.341.310
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	22.424.604.528	1.959.375.000	-	24.383.979.528
Khấu hao trong kỳ	4.709.311.585	9.718.489.663	52.184.828	14.479.986.076
Chuyển từ bất động sản đầu tư	10.930.785.370	-	-	10.930.785.370
Số dư cuối kỳ	155.882.319.218	110.232.588.238	156.184.828	266.271.092.284
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	920.176.049.845	37.181.608.690	-	957.357.658.535
Số dư cuối kỳ	997.038.499.483	30.792.552.435	963.615.172	1.028.794.667.090

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 80.750 triệu VND (1/1/2025: 78.390 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình không còn sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 304 triệu VND (1/1/2025: 304 triệu VND).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Trong quyền sử dụng đất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các quyền sử dụng đất với giá trị là 735.380 triệu VND được Tập đoàn ghi nhận theo giá tạm tính tăng thêm vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Biên bản Quyết toán cổ phần hóa, do Ban Quyết toán cổ phần hóa gồm các đại diện từ Bộ Công thương và Bộ Tài chính thực hiện tại ngày 30 tháng 4 năm 2008, và lập vào ngày 6 tháng 3 năm 2010. Tập đoàn đã ghi nhận tăng giá trị quyền sử dụng đất này vào tài khoản “Tài sản cố định vô hình”, đồng thời ghi nhận tăng tương ứng một khoản phải trả Nhà nước vào tài khoản “Phải trả ngắn hạn khác” (Thuyết minh 27(a)).

Bộ Công thương và Bộ Tài chính của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã giao cho Tập đoàn quản lý và sử dụng các khu đất này theo kế hoạch của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn đã nộp hồ sơ cho các hợp đồng thuê đất hàng năm gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại, các khu đất này đang được sử dụng cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tập đoàn. Đây là quyền sử dụng đất hàng năm với những hạn chế về quyền sở hữu, và không được tự ý chuyển nhượng, cho thuê lại, thế chấp hay xây dựng.

Chi tiết quyền sử dụng đất được ghi nhận theo giá trị tạm tính tăng thêm vào ngày 6 tháng 3 năm 2010 như sau:

STT	Địa chỉ	Diện tích m ²	Giá trị định giá khi xác định giá trị doanh nghiệp VND
1	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	17.406,1	418.634.111.100
2	474 Nguyễn Chí Thanh, Phường Diên Hồng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	7.729,0	247.637.160.000
3	46 Bến Vân Đồn, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	3.872,5	55.241.212.500
4	18/3B Phan Huy Ích, Phường Tân Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	2.216,3	13.867.389.100
			735.379.872.700

Tập đoàn chưa trích khấu hao giá trị của các quyền sử dụng đất này do thời gian sử dụng chưa được xác định một cách đáng tin cậy tại ngày lập báo cáo tài chính. Trong kỳ, Tập đoàn cũng đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ chi phí thuê đất và thuế đất với số tiền là 29.765 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024: 22.143 triệu VND) theo thông báo nộp thuế sử dụng đất của các chi cục thuế địa phương.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Bất động sản đầu tư

	Bất động sản đầu tư cho thuê		Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá	Tổng VND
	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	27.812.438.744	270.391.380.526	13.511.310.895	311.715.130.165
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(27.812.438.744)	-	-	(27.812.438.744)
Số dư cuối kỳ	-	270.391.380.526	13.511.310.895	283.902.691.421
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	10.930.785.370	29.328.768.801	3.150.911.918	43.410.466.089
Khấu hao trong kỳ	-	5.392.247.969	-	5.392.247.969
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(10.930.785.370)	-	-	(10.930.785.370)
Số dư cuối kỳ	-	34.721.016.770	3.150.911.918	37.871.928.688
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	16.881.653.374	241.062.611.725	10.360.398.977	268.304.664.076
Số dư cuối kỳ	-	235.670.363.756	10.360.398.977	246.030.762.733

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư cho thuê và các bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Số dư đầu kỳ	122.014.021.082	143.919.308.285
Tăng trong kỳ	68.934.064.348	47.269.636.306
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	424.297.740	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(38.310.697.438)	(12.457.015.947)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(2.958.681.408)	(38.745.888.609)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(9.448.129.448)	(8.997.548.206)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	140.654.874.876	130.988.491.829

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Dự án san lấp mặt bằng tại Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi	43.296.363.636	43.296.363.636
Dự án xây dựng trung tâm thương mại và dịch vụ	16.566.086.561	14.435.516.699
Các công trình khác	80.792.424.679	64.282.140.747
	<hr/>	<hr/>
	140.654.874.876	122.014.021.082



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Chi phí bảng hiệu quảng cáo	93.572.841.007	108.092.273.038
Công cụ và dụng cụ	15.253.897.257	17.697.706.802
Chi phí thuê	9.852.871.647	9.990.854.572
Chi phí khác	17.378.372.569	9.879.577.188
	136.057.982.480	145.660.411.600

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Chi phí đất trả trước	249.429.626.663	221.644.660.044
Bao bì luân chuyển	83.340.742.582	115.437.223.464
Quyền sử dụng đất chờ bàn giao (*)	51.602.316.000	51.602.316.000
Công cụ và dụng cụ	39.349.566.378	34.914.548.519
Chi phí trả trước khác	36.732.755.033	31.435.978.905
	460.455.006.656	455.034.726.932

(*) Giá trị quyền sử dụng đất chờ bàn giao phản ánh tiền thuế đất phải trả cho Nhà nước (Thuyết minh 27(b)).

Biến động của chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	455.034.726.932	550.304.398.466
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	52.956.761.638	-
Tăng trong kỳ	19.245.261.389	21.278.050.806
Phân bổ trong kỳ	(76.196.463.925)	(67.111.010.478)
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	9.448.129.448	8.997.548.206
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(33.408.826)	(307.292.436)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(200.880.000)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(13.630.026.319)
	460.455.006.656	499.330.788.245

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Thuế suất	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên:			
▪ Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	20%	55.510.112.169	56.149.714.585
▪ Lãi chưa thực hiện	20%	28.327.624.553	31.910.006.886
▪ Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	20%	24.542.572.705	76.804.847.180
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	20%	23.579.976.945	23.719.463.271
▪ Dự phòng phải thu khó đòi	20%	2.179.550.222	2.179.550.222
▪ Các khoản khác	20%	6.971.654.816	7.743.357.253
		141.111.491.410	198.506.939.397
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận trên:			
▪ Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	20%	170.904.950.621	48.073.138.905
▪ Các khoản khác	20%	-	1.134.882.409
		170.904.950.621	49.208.021.314

23. Lợi thế thương mại

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Lợi thế thương mại tạm thời phát sinh từ việc mua lại Sabibeco (Thuyết minh 8)	332.891.966.559	-
	332.891.966.559	-

Tập đoàn chưa phân bổ lợi thế thương mại tạm thời nêu trên tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Hanacans	278.863.818.473	243.322.681.578
Công ty TNHH Lon nước Giải khát TBC-Ball Việt Nam	226.628.716.200	214.356.613.256
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	75.646.025.262	446.313.320.167
Các nhà cung cấp khác	1.131.508.757.252	1.738.255.502.159
	<hr/>	<hr/>
	1.712.647.317.187	2.642.248.117.160
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
<i>Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i>		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	112.467.189.355	69.127.226.472
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	75.646.025.262	446.313.320.167
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	30.490.981.826	7.998.013.482
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	20.855.386.954	38.664.745.341
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	10.525.906.326	25.647.116.018
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	9.374.608.512	9.374.608.512
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	4.678.817.000	6.500.098.000
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	2.309.488.350	8.136.190.818
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	1.848.051.959	12.857.859.012
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	1.560.215.295	32.278.282.663
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	1.163.068.038	28.388.391.022
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	254.377.433	17.212.153.615
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	-	82.283.513.010
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam	226.628.716.200	214.356.613.256
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	4.831.025	22.110.596
Bangkok Art Biennale Management Co., Ltd	-	767.640.000
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Tăng từ hợp nhất kinh doanh VND	Phát sinh VND	Đã nộp VND	Cần trừ VND	Phân loại lại sang thuế phải thu VND	30/6/2025 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	829.412.856.020	263.473.125.082	5.452.958.945.796	(5.429.877.371.190)	-	-	1.115.967.555.708
Thuế giá trị gia tăng	133.304.292.734	22.368.658.891	7.199.202.066.414	(599.699.446.932)	(6.152.336.210.545)	3.014.303.557	605.853.664.119
Thuế thu nhập doanh nghiệp	338.153.608.229	1.910.160.651	432.906.143.592	(426.065.420.011)	(1.461.856.779)	-	345.442.635.682
Thuế thu nhập cá nhân	9.689.654.892	913.619.541	71.265.555.680	(74.564.326.645)	(1.467.357.950)	535.220.625	6.372.366.143
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	228.576.940	(214.375.819)	-	-	14.201.121
Các loại thuế khác	10.301.074.111	111.983.835.636	111.997.916.700	(194.213.276.130)	(4.379.359.790)	101.556.634	35.791.747.161
	1.320.861.485.986	400.649.399.801	13.268.559.205.122	(6.724.634.216.727)	(6.159.644.785.064)	3.651.080.816	2.109.442.169.934



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2025 VND	Tăng từ hợp nhất kinh doanh VND	Cán trừ VND	Phân loại lại từ thuế phải nộp VND	30/6/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	146.392.491	-	-	3.014.303.557	3.160.696.048
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.847.453.626	1.006.554.846	(1.461.856.779)	-	1.392.151.693
Thuế thu nhập cá nhân	1.721.308.176	-	(1.467.357.950)	535.220.625	789.170.851
Thuế xuất nhập khẩu	2.082.000	-	-	-	2.082.000
Các loại thuế khác	4.485.814.040	-	(4.379.359.790)	101.556.634	208.010.884
	8.203.050.333	1.006.554.846	(7.308.574.519)	3.651.080.816	5.552.111.476

26. Chi phí phải trả

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	547.820.814.581	404.286.484.543
Chi phí lãi vay	12.713.619.941	12.775.862.138
Chi phí phải trả khác	115.893.129.977	98.795.122.796
	676.427.564.499	515.857.469.477

27. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Cổ tức phải trả	3.912.979.807.421	2.607.902.085.746
Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (*)	735.379.872.700	735.379.872.700
Nhận ký quỹ ngắn hạn	147.661.076.486	105.221.809.536
Phải trả ngắn hạn khác	68.195.411.233	61.190.236.140
	4.864.216.167.840	3.509.694.004.122

(*) Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được ghi nhận theo Biên bản Quyết toán cổ phần hóa, do Ban Quyết toán cổ phần hóa, gồm các đại diện của Bộ Công thương và Bộ Tài chính, lập ngày 6 tháng 3 năm 2010 (Thuyết minh 18).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
<i>Các công ty mẹ cấp trung gian</i>		
Thai Beverage Public Company Limited	916.525.494	1.038.781.316
BeerCo Limited	10.315.213.600	9.030.113.282
<i>Công ty mẹ</i>		
Công ty TNHH Vietnam Beverage	2.061.855.522.000	1.374.570.348.000
<i>Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i>		
Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh	975.040.000	40.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư - Thiết kế và		
Chuyên giao Công nghệ Thành Nam	340.000.000	340.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	280.163.156	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	85.520.207	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	6.284.198	6.284.198
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	-	287.780.949
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Chang International Co., Ltd	1.470.512.295	1.583.961.112
Thipchalothorn Co., Ltd	-	34.186.050
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam	-	31.669.044

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tiền thuê đất phải trả cho Nhà nước (Thuyết minh 21(b))	51.602.316.000	51.602.316.000
Nhận ký quỹ dài hạn	7.917.835.658	5.511.044.289
	59.520.151.658	57.113.360.289

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2025		Biến động trong kỳ		30/6/2025
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng từ hợp nhất kinh doanh VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	244.000.000.000	297.157.402.011	1.415.684.230.804	(1.775.676.641.218)	181.164.991.597
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh (28(b)))	1.383.983.749	-	9.102.243.588	(9.041.817.518)	1.444.409.819
	<u>245.383.983.749</u>	<u>297.157.402.011</u>	<u>1.424.786.474.392</u>	<u>(1.784.718.458.736)</u>	<u>182.609.401.416</u>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Các khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	Loại tiền tệ	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	VND	181.164.991.597	55.000.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi	VND	-	120.000.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi	VND	-	69.000.000.000
		<u>181.164.991.597</u>	<u>244.000.000.000</u>

Các khoản vay ngắn hạn bằng VND chịu lãi suất 4,80% một năm (1/1/2025: từ 3,00% đến 3,60% một năm).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Nợ thuê tài chính

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Nợ thuê tài chính dài hạn	170.090.455.482	170.828.414.155
Khoản đến hạn phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 28(a))	(1.444.409.819)	(1.383.983.749)
	168.646.045.663	169.444.430.406

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không được hủy ngang như sau:

	30/6/2025			1/1/2025		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	16.101.530.819	14.657.121.000	1.444.409.819	16.101.530.819	14.717.547.070	1.383.983.749
Trong vòng hai đến năm năm	64.406.123.280	57.254.457.890	7.151.665.390	64.406.123.280	57.553.643.777	6.852.479.503
Sau năm năm	378.385.974.270	216.891.593.997	161.494.380.273	386.436.739.680	223.844.788.777	162.591.950.903
	458.893.628.369	288.803.172.887	170.090.455.482	466.944.393.779	296.115.979.624	170.828.414.155



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty và các công ty con. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	199.419.484.414	194.370.495.724
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	2.378.213.675	-
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 31)	76.051.978.531	64.293.106.392
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 31)	13.003.050.066	385.679.208
Sử dụng trong kỳ	(132.551.095.373)	(115.863.055.172)
Số dư cuối kỳ	158.301.631.313	143.186.226.152

30. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	69.306.838.170	69.412.250.830
Dự phòng trích lập trong kỳ	3.735.148.040	10.650.335.874
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(42.989.185)	(663.008.321)
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(2.157.238.012)	(2.645.334.848)
Số dư cuối kỳ	70.841.759.013	76.754.243.535

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích của chủ sở hữu Tổng Công ty VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	12.825.623.720.000	3.208.666.226	43.954.201.299	1.122.241.373.127	10.217.284.050.181	24.212.312.010.833	1.272.845.884.034	25.485.157.894.867
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	2.245.557.345.395	2.245.557.345.395	97.085.795.571	2.342.643.140.966
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 34)	-	-	-	-	(2.565.124.744.000)	(2.565.124.744.000)	(80.795.719.029)	(2.645.920.463.029)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 29)	-	-	-	-	(56.299.587.951)	(56.299.587.951)	(7.993.518.441)	(64.293.106.392)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	(15.989.224.083)	(15.989.224.083)	(497.114.492)	(16.486.338.575)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 29)	-	-	-	-	(2.129.503.650)	(2.129.503.650)	1.743.824.442	(385.679.208)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	(240.157.577)	(240.157.577)	(56.214.071)	(296.371.648)
Chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ (Thuyết minh 11(c)(i))	-	-	29.284.273.991	-	-	29.284.273.991	-	29.284.273.991
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	12.825.623.720.000	3.208.666.226	73.238.475.290	1.122.241.373.127	9.823.058.178.315	23.847.370.412.958	1.282.332.938.014	25.129.703.350.972

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích của chủ sở hữu Tổng Công ty VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2024	12.825.623.720.000	3.208.666.226	73.238.475.290	1.122.241.373.127	9.823.058.178.315	23.847.370.412.958	1.282.332.938.014	25.129.703.350.972
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	2.084.555.685.976	2.084.555.685.976	67.574.599.970	2.152.130.285.946
Cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(2.565.124.744.000)	(2.565.124.744.000)	(78.490.261.630)	(2.643.615.005.630)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(53.432.459.487)	(53.432.459.487)	(7.858.434.114)	(61.290.893.601)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	(21.755.866.044)	(21.755.866.044)	(2.488.933.778)	(24.244.799.822)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	18.921.301.989	18.921.301.989	2.276.470.037	21.197.772.026
Chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ	-	-	(19.462.108.864)	-	-	(19.462.108.864)	-	(19.462.108.864)
Thay đổi tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	59.468.487.946	(68.420.775.303)	(8.952.287.357)	(108.373.130.998)	(117.325.418.355)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	12.825.623.720.000	3.208.666.226	53.776.366.426	1.181.709.861.073	9.217.801.321.446	23.282.119.935.171	1.154.973.247.501	24.437.093.182.672

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích của chủ sở hữu Tổng Công ty VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	12.825.623.720.000	3.208.666.226	53.776.366.426	1.181.709.861.073	9.217.801.321.446	23.282.119.935.171	1.154.973.247.501	24.437.093.182.672
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	2.000.610.053.979	2.000.610.053.979	49.701.472.099	2.050.311.526.078
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 34)	-	-	-	-	(3.847.687.116.000)	(3.847.687.116.000)	(71.491.229.448)	(3.919.178.345.448)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 29)	-	-	-	-	(66.608.692.750)	(66.608.692.750)	(9.443.285.781)	(76.051.978.531)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	(11.829.370.850)	(11.829.370.850)	(443.626.355)	(12.272.997.205)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 29)	-	-	-	-	(12.808.372.253)	(12.808.372.253)	(194.677.813)	(13.003.050.066)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	(2.419.788)	(2.419.788)	(68.237.151)	(70.656.939)
Chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ (Thuyết minh 11(c)(i))	-	-	29.154.209.386	-	-	29.154.209.386	-	29.154.209.386
Thay đổi tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	200.118.312	-	5.034.432.870	(3.596.423.540)	1.638.127.642	376.721.581.920	378.359.709.562
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	12.825.623.720.000	3.408.784.538	82.930.575.812	1.186.744.293.943	7.275.878.980.244	21.374.586.354.537	1.499.755.244.972	22.874.341.599.509



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2025	và 1/1/2025
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	1.282.562.372	12.825.623.720.000
<hr/>		
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	1.282.562.372	12.825.623.720.000
<hr/>		

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn.

33. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Biến động của quỹ đầu tư phát triển trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.181.709.861.073	1.122.241.373.127
Thay đổi tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát (Thuyết minh 31)	5.034.432.870	-
<hr/>		
Số dư cuối kỳ	1.186.744.293.943	1.122.241.373.127
<hr/>		

34. Cổ tức bằng tiền

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty vào ngày 24 tháng 4 năm 2025 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước là 3.847.687 triệu VND (tương đương 3.000 VND/cổ phiếu) (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024: 2.565.125 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Trong vòng một năm	303.065.216.646	136.065.200.102
Từ hai đến năm năm	658.429.182.054	247.619.573.959
Sau năm năm	658.826.761.985	499.977.886.856
	<hr/>	<hr/>
	1.620.321.160.685	883.662.660.917
	<hr/>	<hr/>

(b) Tài sản, nguyên vật liệu và hàng hóa nhận giữ hộ các bên thứ ba

	Đơn vị	30/6/2025	1/1/2025
Bia	thùng/két	4.123.778	3.887.029
Nước giải khát	thùng/két	47.171	28.511
Két nhựa	cái	-	39.368
		<hr/>	<hr/>

(c) Ngoại tệ các loại

	30/6/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	794.870	20.608.477.349	355.211	8.966.469.460
EUR	2.588	75.849.306	2.636	68.742.367
AUD	3.139	52.816.529	828	12.967.082
		<hr/>		<hr/>
		20.737.143.184		9.048.178.909
		<hr/>		<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	106.716.063.753	69.001.220.881
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	13.486.000.000	-
	120.202.063.753	69.001.220.881

36. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán bia	11.824.966.568.050	13.446.303.293.929
▪ Doanh thu bán nguyên vật liệu	753.077.923.746	1.743.510.327.457
▪ Doanh thu bán nước giải khát	70.297.895.632	87.247.757.415
▪ Doanh thu bán cồn và rượu	22.292.028.911	18.768.747.545
▪ Doanh thu khác	96.198.945.516	82.409.071.419
	12.766.833.361.855	15.378.239.197.765
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	151.739.295.303	108.396.699.791
▪ Hàng bán bị trả lại	31.110.725	44.979.439
	151.770.406.028	108.441.679.230
Doanh thu thuần	12.615.062.955.827	15.269.797.518.535

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

37. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp:		
▪ Giá vốn bia đã bán	7.451.453.745.973	8.902.717.691.070
▪ Giá vốn nguyên vật liệu đã bán	747.813.143.758	1.732.247.091.292
▪ Giá vốn nước giải khát đã bán	53.048.091.037	63.479.077.683
▪ Giá vốn cồn và rượu đã bán	18.965.219.655	15.643.517.258
▪ Giá vốn khác	23.653.162.523	15.049.187.737
	8.294.933.362.946	10.729.136.565.040

38. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng	491.693.699.880	533.445.553.122
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.634.869.938	9.552.897.953
Thu nhập từ cổ tức và phân phối lợi nhuận	1.000.000.000	2.000.000.000
Doanh thu khác	-	1.925.343
	498.328.569.818	545.000.376.418

39. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Chi phí lãi vay	19.666.841.568	16.398.465.918
Lỗ từ việc đánh giá lại theo giá trị hợp lý (Thuyết minh 8)	85.045.787.629	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.969.328.010	7.583.860.146
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(1.453.250.322)	(7.171.310.083)
	106.228.706.885	16.811.015.981

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

40. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	900.026.777.967	1.030.930.621.195
Chi phí nhân viên	446.105.346.400	393.681.377.745
Chi phí vận chuyển	100.368.732.263	57.497.177.035
Chi phí thuê	59.621.848.458	63.664.001.199
Chi phí bao bì luân chuyển	35.569.778.124	32.316.222.978
Chi phí khấu hao và phân bổ	20.034.259.207	19.174.763.027
Chi phí bán hàng khác	153.533.757.990	146.996.974.336
	1.715.260.500.409	1.744.261.137.515

41. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Chi phí nhân viên	264.738.548.285	211.621.767.358
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.474.998.734	65.468.881.652
Chi phí thuê	59.728.992.893	36.517.498.102
Chi phí khấu hao và phân bổ	18.565.422.304	12.430.874.011
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	57.067.049.352	59.000.008.135
	486.575.011.568	385.039.029.258

42. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	4.533.358.567.860	3.796.866.234.557
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.631.394.781.867	1.687.297.929.161
Chi phí nhân công và nhân viên	963.632.252.906	793.310.098.120
Chi phí khấu hao và phân bổ	353.312.508.933	274.479.255.512
Chi phí khác	370.940.164.403	324.149.220.878

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

43. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	432.878.740.256	535.197.093.366
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	27.403.336	443.833.861
	<hr/> 432.906.143.592	<hr/> 535.640.927.227
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	100.492.377.294	58.879.696.989
	<hr/> 533.398.520.886	<hr/> 594.520.624.216

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.583.710.046.964	2.937.163.765.182
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	516.742.009.393	587.432.753.036
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với một công ty con	(4.474.008.251)	(3.887.565.831)
Ưu đãi thuế	(1.879.559.573)	(1.795.167.323)
Thu nhập được miễn thuế	(17.519.750.623)	(3.702.070.884)
Chi phí không được khấu trừ thuế	46.502.278.998	21.937.865.430
Thay đổi trong thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	(6.125.156.714)	(8.872.036.637)
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	27.403.336	443.833.861
Các khoản khác	125.304.320	2.963.012.564
	<hr/> 533.398.520.886	<hr/> 594.520.624.216

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế, ngoại trừ Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng.

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 59221000029 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 3 tháng 4 năm 2012, Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% lợi nhuận chịu thuế trong 15 năm đầu kể từ năm hoạt động đầu tiên (2014) và áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập thông thường trong các năm tiếp theo. Đồng thời, công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026).

44. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 30 tháng 6 năm 2024 dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND (Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	2.000.610.053.979	2.245.557.345.395
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(66.608.692.750)	(61.270.209.846)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	1.934.001.361.229	2.184.287.135.549

Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được ước tính dựa vào số kế hoạch được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được điều chỉnh lại theo số thực trích theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu trong các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 30 tháng 6 năm 2024. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền được sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu trong hai kỳ báo cáo là 1.282.562.372 cổ phiếu.

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND (Điều chỉnh lại (*))	30/6/2024 VND (Theo báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.508	1.703	1.707

(*) Việc điều chỉnh lại phản ánh ảnh hưởng của việc điều chỉnh số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi như đề cập ở trên.

45. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Các công ty mẹ cấp trung gian		
Thai Beverage Public Company Limited		
Chi hộ Tập đoàn	-	254.032.454
BeerCo Limited		
Chi hộ Tập đoàn	12.323.089.956	9.605.478.447
Công ty mẹ		
Công ty TNHH Vietnam Beverage		
Cổ tức công bố	2.061.855.522.000	1.374.570.348.000
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre		
Bán nguyên vật liệu	194.091.982.039	208.929.404.122
Bán thành phẩm	-	69.400.000
Doanh thu khác	345.404.000	125.000.000
Mua hàng hóa	463.579.364.100	503.584.829.790
Chi phí thuê kho	810.191.880	345.369.453
Giao dịch khác	37.225.500	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa		
Bán nguyên vật liệu	132.771.967.195	140.921.400.056
Doanh thu khác	181.446.013	-
Mua hàng hóa	330.812.697.400	343.901.884.220
Chi phí thuê kho	364.059.875	-
Giao dịch khác	48.111.570	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long		
Bán nguyên vật liệu	127.687.973.326	161.786.300.702
Bán thành phẩm	-	13.406.000
Doanh thu khác	2.040.988.500	149.288.000
Mua hàng hóa	318.731.910.400	450.814.218.720
Chi phí thuê kho	37.036.303	-
Thu nhập từ cổ tức	1.500.000.000	1.500.000.000
Giao dịch khác	32.361.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung		
Bán nguyên vật liệu	122.649.766.004	202.309.943.715
Bán thành phẩm	-	73.118.058
Doanh thu khác	2.268.933.058	7.828.245.870
Mua hàng hóa	384.351.323.310	506.247.676.920
Mua vật liệu bao bì	109.474.000	504.000
Chi phí thuê kho	390.316.611	605.628.206
Thu nhập từ cổ tức	89.904.000	14.502.340.500
Giao dịch khác	58.355.960	-
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô		
Bán nguyên vật liệu	90.616.371.782	109.855.193.141
Bán thành phẩm	114.556.720	208.283.440
Doanh thu khác	3.018.401.685	222.500.000
Mua hàng hóa	243.720.786.200	286.215.287.690
Chi phí thuê kho	301.579.485	588.970.907
Thu nhập từ cổ tức	-	1.105.000.000
Giao dịch khác	2.175.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ		
Bán nguyên vật liệu	62.803.640.832	73.218.279.658
Doanh thu khác	87.938.421	-
Mua hàng hóa	201.986.548.000	181.752.905.770
Mua vật liệu bao bì	-	38.118.000
Chi phí thuê kho	163.783.564	-
Thu nhập từ cổ tức	4.231.800.000	4.231.800.000

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu		
Bán nguyên vật liệu	18.629.678.646	28.085.254.621
Doanh thu khác	165.688.797	283.690.241
Mua hàng hóa	103.617.604.770	125.781.676.080
Chi phí thuê kho	738.307.009	1.017.807.155
Thu nhập từ cổ tức	-	1.201.200.000
Giao dịch khác	1.696.440	-
Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh		
Bán thành phẩm	15.360.003	18.106.456
Mua dịch vụ	4.283.392.725	2.912.067.004
Giao dịch khác	975.000.000	-
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn		
Mua vật liệu bao bì	488.561.588.744	767.321.365.061
Thu nhập từ cổ tức	233.719.329.060	444.730.757.692
Giao dịch khác	267.845.458	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn		
Mua vật liệu bao bì	274.365.460.739	169.794.000.578
Chi phí thuê kho	210.000.000	210.000.000
Giao dịch khác	5.000.000	-
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ		
Mua vật liệu bao bì	23.786.195.000	29.507.902.240
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam		
Mua vật liệu bao bì	8.909.491.184	5.497.019.200
Giao dịch khác	2.544.804.880	34.840.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây		
Bán nguyên vật liệu	-	345.801.819.203
Bán thành phẩm	-	143.520.000
Doanh thu khác	-	2.181.818.184
Mua hàng hóa	-	882.519.176.730
Chi phí thuê kho	-	193.013.177
Thu nhập từ cổ tức	-	9.706.300.732
Cổ tức công bố	-	1.750.000.500
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang		
Bán nguyên vật liệu	-	167.365.085.293
Mua hàng hóa	-	428.122.537.830
Chi phí thuê kho	-	123.313.070

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)		
Bán thành phẩm	266.640.660.151	148.883.222.645
Mua hàng hóa	4.506.242.019	3.834.093.831
Chi hệ Tập đoàn	-	28.389.032
Giao dịch khác	6.094.027.147	5.977.819.352
S.A.S. CTAMAD Co., Ltd		
Bán thành phẩm	151.598.080	148.827.820
Chi hệ Tập đoàn	65.545.200	45.738.846
Giao dịch khác	14.490.000	976.500
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam		
Bán thành phẩm	95.966.800	136.231.428
Doanh thu khác	356.197.321	42.651.700
Mua vật liệu bao bì	954.212.456.171	794.979.891.896
Giao dịch khác	-	1.386.532.687
Thipchalothorn Co., Ltd		
Bán thành phẩm	34.087.500	151.689.376
Chi hệ Tập đoàn	-	204.771.024
Giao dịch khác	6.804.000	-
Chang International Co., Ltd		
Chi hệ Tập đoàn	579.822.304	464.194.858
Sustainability Expo Co., Ltd		
Giao dịch khác	852.897.000	-
Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Koh Poh Tiong – Chủ tịch	-	-
Ông Pramoad Phornprapha – Thành viên	448.000.000	364.000.000
Ông Nguyễn Tiến Vy – Thành viên	616.000.000	532.000.000
Ông Michael Chye Hin Fah – Thành viên	598.000.000	560.000.000
Bà Trần Kim Nga – Thành viên	574.000.000	490.000.000
Ông Lê Thanh Tuấn – Thành viên	682.000.000	490.000.000
Bà Ngô Minh Châu – Thành viên	574.000.000	490.000.000
Ban Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	18.086.871.996	16.340.066.488
Ủy ban Kiểm toán		
Thù lao	546.000.000	570.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

46. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa thanh toán	47.427.464.766	60.774.085.117

47. Thông tin so sánh

Ngoại trừ lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh lại như được trình bày ở Thuyết minh 44, các thông tin so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2024, và thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Hoàng Thanh Vân
Kế toán

Người duyệt:

Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Koo Liang Kwee
Phó Tổng Giám đốc



Tan Teck Chuan Lester
Tổng Giám đốc

